

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/7/2021

Vv “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Minh Ngọc.

2. Bà Phan Thị Thanh Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Tư Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Gi, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Gi tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Xuân 1 vào năm 2012. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau tại thôn P, xã T được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Gi không lo làm ăn, rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Bà đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn ông Gi hứa sẽ sửa đổi, nên bà rút đơn về đoàn tụ. Thế nhưng, ông Gi vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Từ năm 2019 đến nay, hai người sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Bà thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Gi.

+ Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Th,

sinh năm 2012, không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con;

+ Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và cho vay mượn nợ: Không có.

- Tại phiên tòa, con chung của bà L với ông Gi là cháu Lê Thị Th có ý kiến xin được tiếp tục ở với mẹ.

- Đối với bị đơn là ông Lê Văn Gi: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải nhưng ông Gi vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa đã được niêm yết hợp lệ hai lần nhưng ông Gi vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình tố tụng Thẩm phán, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng đối với bị đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà L và ông Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của hai người là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Gi không chăm lo gia đình, vợ con và thường xuyên rượu chè, xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà L. Đến nay hai người không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Bà L với ông Gi có một con chung tên Lê Thị Th, sinh năm 2012. Cháu Th từ trước đến nay do bà L nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục, tại phiên tòa cháu Th có nguyện vọng được ở với bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao cháu Th cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên;

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L và ông Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Xuân 1 nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Các đương sự cư trú tại xã Tam Xuân 1, huyện

Núi Thành, bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” là đúng với quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập các đương sự đến hòa giải nhưng ông Gi cố tình vắng mặt nên các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự, ông Gi đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông Gi phát sinh mâu thuẫn và hai người không tự khắc phục được nên dẫn đến việc bà L yêu cầu ly hôn. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông Gi không lo làm ăn, rượu chè, không lo lắng, chăm sóc gia đình. Trước đây, bà L đã từng yêu cầu ly hôn nhưng sau đó ông Gi hứa sửa đổi nên bà rút đơn về đoàn tụ. Thế nhưng, ông Gi không chịu sửa đổi, buộc bà phải tiếp tục yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Gi không đến, điều này chứng tỏ ông Gi đã bỏ mặc cuộc hôn nhân, không còn muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Gi đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L với ông Gi có một con chung tên Lê Thị Th, sinh năm 2012, hiện nay do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy ông Gi không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho gia đình, vợ con. Từ trước đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý và không làm thay đổi môi trường sống của cháu Th nên tiếp tục giao cho bà L nuôi dưỡng là đúng với yêu cầu của bà L, mong muốn của cháu Th và phù hợp với thực tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L, cháu Th, giao cháu Th cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con. Ông Gi có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng;

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án phân chia nên không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có;

[6] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 35, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với ông Lê Văn Gi. Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Văn Gi;

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Th, sinh năm 2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con;

Ông Lê Văn Gi có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho vay mượn nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp ngày 28 tháng 9 năm 2020 theo biên lai thu số 0004925 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Xuân 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thắng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Núi Thành, ngày 06 tháng 7 năm 2019.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Công Thắng.

-*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Phan Thị Thanh Dung;

+ Ông Dương Minh Ngọc;

Tiến hành nghị án để giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”: giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn Gi, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án và thống nhất như sau:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 35, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với ông Lê Văn Gi. Xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Văn Gi;

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Th, sinh năm 2012 cho đến khi đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu ông Gi cấp dưỡng nuôi con;

Ông Lê Văn Gi có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho vay mượn nợ: Không có.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp ngày 28 tháng 9 năm 2020 theo biên lai thu số 0004925 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Các vấn đề khác:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt

hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã tự đọc lại và thống nhất ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thanh Dung Dương Minh Ngọc

Nguyễn Công Thắng